TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **194**/2018/DS-ST
Ngày: 21-11-2018 .
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà trương Thị Kim Chọn.
2. Bà Trần Thị Nga.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 686/2017/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 412/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP ĐA.

Trụ sở: Số 130 Phan Đăng Lưu, phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Quang H, sinh năm: 1988. Địa chỉ: C14/19 Quốc lộ 1A, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng Q, sinh năm 1976 và bà Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: 90A/4 ấp 1, xã An Phú Tây, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 06/11/2017, bản tự khai, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP ĐA được thành lập theo giấy phép thành lập công ty số 135/GP-UB ngày 06-4-1992 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21/5/2015 bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q có làm giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước trả nợ đối với ngân hàng TMCP ĐA, đề nghị được vay số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 13/8/2015, Ngân hàng TMCP ĐA đồng ý và phê duyệt cho bà T, ông Q vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm, mục đích vay để buôn bán. (Đợt vay 0131823001T15005).

Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP ĐA đã giải ngân toàn bộ số tiền 10.000.000 đồng cho bà T, ông Q vào ngày 13/8/2015. Bà T, ông Q đã nhận đủ số tiền đã vay theo hợp đồng.

Kể từ thời điểm Ngân hàng TMCP ĐA giải ngân ngày 13/8/2015 đến ngày 06/11/2017 bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q đã trả nợ được tổng cộng 5.600.000 đồng. Bao gồm: Nợ gốc 4.869.230 đồng; lãi trong hạn 703.770 đồng.

Do bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Mặc dù Ngân hàng TMCP ĐA – Phòng giao dịch Bình Chánh đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho thanh toán nợ vay nhưng bà T, ông Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA. Nên từ ngày 13/02/2016 Ngân hàng TMCP ĐA đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn tH sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/9/2018 bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q còn nợ Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 7.737.884 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc 5.130.770 đồng; Lãi trong hạn 269.230 đồng; Lãi quá hạn: 2.337.884 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP ĐA yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q liên đới trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền nợ gốc và lãi là 7.737.884 đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 28/9/2018). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất: Lãi suất phát sinh tiếp tục tính theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Ngoài ra Ngân hàng TMCP ĐA không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q đã được Tòa án tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn tố tụng.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn vào khoản 3 Điều 26; tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà T, ông Q vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án ; Ông Vũ Quang H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực. Nhưng giao dịch dân sự này có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự năm 2015 nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 21/5/2015 bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q có làm giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước trả nợ đối với ngân hàng TMCP ĐA, đề nghị vay số tiền 10.000.000 đồng.

Ngày 13/8/2015, Ngân hàng TMCP ĐA đồng ý, phê duyệt và giải ngân cho bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q vay số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 10%/năm, mục đích vay là buôn bán. (Đợt vay 0131823001T15005).

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Hội đồng xét xử xét thấy: Về nội dung và hình thức của giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ ngày 13/8/2015 giữa Ngân hàng TMCP ĐA và bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q tuân thủ đúng các quy định tại Điều 117, 119 của Bộ luật dân sự năm 2015, người tham gia hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định pháp luật nên có hiệu lực, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

[2.2]. Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

- Căn cứ vào giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, sao kê hoạt động của khách vay, bảng dự tính thu, bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng, bản tự khai thì có cơ sở xác định: Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân số tiền 10.000.000 đồng theo thỏa thuận cho bị đơn.

-Bị đơn đã nhận đủ số tiền 10.000.000 đồng theo ký nhận ngày 13/8/2015 và đã trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 5.600.000 đồng. Bao gồm: Nợ gốc 4.869.230 đồng; lãi trong hạn 703.770 đồng. Do bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Mặc dù Ngân hàng TMCP ĐA – Phòng giao dịch Bình Chánh đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở, tạo điều kiện cho thanh toán nợ vay nhưng bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐA. Nên từ ngày 13/02/2016 Ngân hàng TMCP ĐA đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn tH sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/9/2018 bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q còn nợ Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 7.737.884 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc 5.130.770 đồng; Lãi trong hạn 269.230 đồng; Lãi quá hạn: 2.337.884 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP ĐA yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q liên đới trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền nợ gốc và lãi là 7.737.884 đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 28/9/2018). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về lãi suất: Lãi suất phát sinh tiếp tục tính từ ngày 29/9/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

[2.3]. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì có cơ sở xác định bà bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q chưa thanh toán cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 7.737.884 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc 5.130.770 đồng; Lãi trong hạn 269.230 đồng; Lãi quá hạn: 2.337.884 đồng.

[2.4].Xét yêu cầu về lãi suất: Sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đối với mức lãi suất mà các bên thỏa thuận thì ngân hàng có niêm yết công khai và báo cáo với Ngân hàng nhà

nước Việt Nam theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà không cần phải điều chỉnh.

[2.5]. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP ĐA là có cơ sở, phù hợp pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Cụ thể buộc bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q liên đới trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền số tiền 7.737.884 đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc 5.130.770 đồng; Lãi trong hạn 269.230 đồng; Lãi quá hạn: 2.337.884 đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục tính lãi suất phát sinh từ ngày 29/9/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên.

[2.6]. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM- GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "*Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, cần áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để xác định nghĩa vụ chậm thi hành án.

[2.7]. Bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập để ghi nhận ý kiến, yêu cầu, tiến hành thủ tục giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở xem xét giải quyết vụ án.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị

đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ :

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 , điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 94, Điều 95, Điều 118 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM- GĐT ngày 16/5/2013 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc bà Đỗ Thị Thu T và ông Trần Hoàng Q liên đới trả cho Ngân hàng TMCP ĐA số tiền 7.737.884 (bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi tư) đồng. Trong đó bao gồm: Nợ gốc 5.130.770 (năm triệu, một trăm ba mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi) đồng; Lãi trong hạn 269.230 (hai trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi) đồng; Lãi quá hạn: 2.337.884 (hai triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn, tám trăm tám mươi tư) đồng (lãi suất tạm tính đến ngày 28/9/2018). Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong số tiền nêu trên.

Kể từ ngày 29/9/2018 bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, lãi được tính trên số tiền dư nợ gốc cho đến khi trả hoàn tất số nợ.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Hoàng Q và bà Đỗ Thị Thu T liên đới chịu 386.894 (ba trăm tám mươi sáu nghìn, tám trăm chín mươi tư) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP ĐA được hoàn lại số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0030861

ngày 24/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- CCTHADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Ngọc Chiến